

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Kế toán kiểm toán thuộc ngành Kế toán (mã số 7340301).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. Đinh Hồng Linh



CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 404/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	KẾ TOÁN KIỂM TOÁN
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	ACCOUNTING AND AUDITING
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Kế toán
5	Mã ngành	7340301
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Kế toán
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	http://tueba.edu.vn http://khoaketuan.tueba.edu.vn/
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Kế toán Kiểm toán Tiếng Anh: Bachelor of Accounting and Auditing
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: Nhóm 1: Kế toán viên: Nhân viên kế toán, triển vọng tương lai trở thành kế toán trưởng, kế toán viên hành nghề Nhóm 2: Trợ lý kiểm toán/kiểm toán viên, kiểm soát viên: Kiểm soát viên nội bộ, kiểm toán viên nội bộ, tương lai trở thành trưởng bộ

TT	Tiêu đề	Nội dung
		phận kiểm soát, trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ; trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên, triển vọng trở thành trưởng các tổ/nhóm/đoàn kiểm toán, kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp Nhóm 3: Nhân viên, chuyên viên, tập sự, trợ lý trong các lĩnh vực: Chuyên viên tập sự triển vọng trở thành nhân viên, chuyên viên trong các tổ chức tài chính, cơ quan tài chính, thuế, hải quan, kho bạc. Trợ lý cho các chuyên viên phân tích, chuyên gia tư vấn với triển vọng trở thành chuyên gia tài chính, phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính. Giảng viên, nghiên cứu viên, trợ giảng, triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp, chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học: Thạc sĩ Kế toán, thạc sĩ Quản lý kinh tế, thạc sĩ Quản trị kinh doanh
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Kế toán và CTĐT Kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc Dân; CTĐT Kế toán và CTĐT Kiểm toán - Đại học Ngoại thương
18	Thông tin kiểm định CTĐT	CTĐT ngành Kế toán đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 156/QĐ-CEA.UD ngày 06/06/2023 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng.
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán - Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng và năng lực phù hợp để đảm nhận tốt các vị trí công tác trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị góp phần phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hóa.

2.2 Mục tiêu cụ thể

PO1. Đào tạo cử nhân Kế toán - Kiểm toán có kiến thức khoa học xã hội nền tảng và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu để vận dụng trong thực tiễn công tác thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị

PO2. Hình thành và phát triển các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ về kế toán, kiểm toán cũng như các kỹ năng hỗ trợ cho người học để có thể giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn công tác tại các đơn vị.

PO3. Đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe và thái độ làm việc chuyên nghiệp trong công tác chuyên môn về kế toán, kiểm toán cũng như các vị trí công tác khác.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn	2
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành	3
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản của lĩnh vực ngành	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PI2.3	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về kinh tế, kế toán, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện công việc kế toán kiểm toán	3
PLO3	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực kế toán kiểm toán	3
PI3.1	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản (word, excel,	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	
PI3.2	Sử dụng được một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực kế toán kiểm toán	3
PLO4	Vận dụng kiến thức về kế toán nói riêng và kiến thức lĩnh vực kinh tế nói chung để thực hiện công việc chuyên môn	3
PI4.1	Xác định được đúng chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng đối với một số loại hình doanh nghiệp, tổ chức	3
PI4.2	Thực hiện được tổ chức kế toán thuế, tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức hệ thống sổ kế toán	3
PI4.3	Thực hiện được lập báo cáo tài chính, tổ chức hệ thống thông tin kế toán, tài chính doanh nghiệp và thiết lập các mối quan hệ giữa các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp	3
PLO5	Vận dụng kiến thức về kiểm toán để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn	3
PI5.1	Xác định được đúng phương pháp kiểm toán, thực hiện được thủ tục kiểm toán tương ứng trong các loại hình kiểm toán	3
PI5.2	Thực hiện được các nội dung về trình tự tổ chức kiểm toán gồm chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi, kiểm tra thực hiện kết luận kiểm toán	3
PI5.3	Xác định được các tình huống có nguy cơ gian lận và biện pháp kiểm soát ngăn ngừa trong doanh nghiệp	3
PLO6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán, kiểm toán vào thực hành, thực tế để phân tích và tư vấn trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	3
PI6.1	Thực hiện được thực hành kế toán doanh nghiệp và thực hành kiểm toán báo cáo tài chính, có khả năng tự nghiên cứu mở rộng thực hành nội dung kiểm toán ở các phần hành có liên quan khác	3
PI6.2	Xác định được thông tin kế toán và các công cụ kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định quản lý ở các đơn vị	3
PI6.3	Lập được các báo cáo chuyên đề để phân tích và tư vấn giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động trong đơn vị	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO7	Thành thạo các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI7.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI7.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn	3
PLO8	Sử dụng thành thạo quy trình chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kế toán để phục vụ công việc	3
PI8.1	Thực hiện chính xác việc lập, kiểm tra chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán; lập báo cáo kế toán và thành thạo quy trình thực hành kế toán doanh nghiệp	3
PI8.2	Xác định chính xác các chỉ tiêu tài chính thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo thuế theo chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành	3
PLO9	Sử dụng thành thạo quy trình chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kiểm toán để phục vụ công việc	3
PI9.1	Thực hiện chính xác các khâu công việc trong quy trình kiểm toán: Khảo sát tình hình, lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi, kiểm tra thực hiện kết luận kiểm toán và đánh giá kiểm soát trong đơn vị.	3
PI9.2	Thành thạo quy trình thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3
PLO10	Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân	3
	Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan đơn vị; ý thức tự chủ và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời.	3
PI11.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán	3
PI11.2	Hình thành ý thức tự giác học tập, nghiên cứu và rèn luyện sức khỏe	3
PI11.3	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3
PLO12	Bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể dựa trên năng lực chuyên môn	3
PI12.1	Ra được quyết định của bản thân về lĩnh vực nghề nghiệp, tư vấn về chuyên môn nghiệp vụ cho các đơn vị	3
PI12.2	Sẵn sàng tham gia công tác chuyên môn phục vụ đơn vị và cộng đồng xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm với tập thể, bản thân và xã hội	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		34		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP132	3	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1), PLO11 (PI11.3)	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1), PLO11 (PI11.3)	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1), PLO11 (PI11.3)	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1), PLO11 (PI11.3)	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1), PLO11 (PI11.3)	
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	PLO1 (PI1.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.1, PI11.3)	
7	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO2 (PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO11 (PI11.3)	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	PLO1(PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO11 (PI11.3)	
9	Toán kinh tế	MAE131	3	PLO1(PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO11 (PI1.3)	
10	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO11 (PI11.3)	
11	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO11 (PI11.3)	
12	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO11 (PI11.3)	
13	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO11 (PI11.3)	
14	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI 121	2	PLO7 (PI7.1); PL10; PLO11 (PI11.3)	
15	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết	PLO11 (PI11.2)	
16	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết	PLO11 (PI11.2)	
17	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết	PLO11 (PI11.2)	
18	Giáo dục quốc phòng		5 tuần	PLO1 (PI1.1)	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30		
	<i>Bắt buộc</i>		21		
19	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
20	Quản trị học	MAN231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
21	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
22	Marketing căn bản	GEM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
23	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
24	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	PLO2 (PI2.2); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
25	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2 (PI2.3); PLO7 (PI7.1); PLO11 (PI11.3)	
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong số 06 HP tự chọn)</i>		9		
26	Luật và chuẩn mực kế toán	LAS331	3	PLO2 (PI2.3); PLO4 (PI4.1); PLO11 (PI11.1)	
27	Luật kinh tế căn bản	ELA231	3	PLO2 (PI2.3); PLO11 (PI11.1)	
28	Soạn thảo văn bản kinh doanh và	WBM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.1);	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
	quản lý			PLO7 (PI7.1)	
29	Thương mại điện tử	ECM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1)	
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SRM231	3	PLO2 (PI2.3); PLO7 (PI7.1)	
31	Kinh tế lượng	ECO231	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1)	
2.2	Kiến thức ngành		27		
	<i>Bắt buộc</i>		15		
32	Kiểm toán căn bản	BAU331	3	PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	
33	Kế toán tài chính 1	FIA331	3	PLO4 (PI4.1); PLO6 (PI6.2); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	x
34	Kế toán tài chính 2	FIA332	3	PLO4 (PI4.1); PLO6 (PI6.2); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
35	Lập và phân tích báo cáo tài chính	PAS331	3	PLO4 (PI4.3); PLO6 (PI6.2); PLO8 (PI8.2); PLO12 (PI12.1)	
36	Tổ chức công tác kế toán	OAW331	3	PLO4 (PI4.2); PLO6 (PI6.2); PLO8 (PI8.1); PLO11 (PI11.1); PLO12 (PI12.2)	x
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)</i>		12		
37	Kế toán thuế	TAA331	3	PLO4 (PI4.2); PLO8 (PI8.2); PLO12 (PI12.1)	
38	Kế toán quốc tế	IAC331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO11 (PI11.1)	
39	Kế toán chứng khoán	STA331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
40	Kế toán thương mại dịch vụ	CAS331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
41	Kế toán ngân sách	BAC331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
42	Quản trị doanh nghiệp	ETM331	3	PLO4 (PI4.3); PLO7 (PI7.1); PLO12 (PI12.2)	
43	Thị trường chứng khoán	SMK331	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO12 (PI12.2)	
44	Tài chính doanh nghiệp căn bản	CFI331	3	PLO4 (PI4.3); PLO7 (PI7.1); PLO12 (PI12.2)	
2.3	Kiến thức chuyên ngành		24		
	<i>Bắt buộc</i>		12		
45	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	FAU331	3	PLO5 (PI5.1, PI5.3); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	x
46	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	FAU332	3	PLO5 (PI5.1, PI5.3); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	x
47	Kiểm toán hoạt động	OAU331	3	PLO5 (PI5.1); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	
48	Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính	PRA331	3	PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2); PLO11 (PI11.1; PI11.2, PI11.3)	x
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 10 học phần tự chọn)</i>		12		
49	Tổ chức công tác kiểm toán	AUR331	3	PLO5 (PI5.2); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	
50	Hệ thống thông tin kế toán	AI331	3	PLO4 (PI4.4); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.2)	
51	Kế toán hành chính sự nghiệp	APO331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
52	Kế toán công ty	ACF331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
53	Kiểm soát nội bộ	INC331	3	PLO5 (PI5.3); PLO9 (PI9.1); PLO12 (PI12.1)	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
54	Kiểm soát quản lý	MAC331	3	PLO5 (PI5.3); PLO9 (PI9.1); PLO12 (PI12.1)	
55	Kế toán quản trị	MAA331	3	PLO6 (PI6.2); PLO8 (PI8.2); PLO11 (PI11.1); PLO12 (PI12.1)	
56	Kế toán ngân hàng	BAA331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
57	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	AIA331	3	PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.2)	
58	Thực hành kế toán doanh nghiệp	PCA331	3	PLO6 (PI6.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.2)	
2.4	Thực tập môn học CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU421	2	PLO3 (PI3.1); PLO6 (PI6.3); PLO8 (PI8.1); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1, PI11.3)	
2.5	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU441	4	PLO3 (PI3.1); PLO6 (PI6.3); PLO7 (PI7.1); PLO8 (PI8.2); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1, PI11.2); PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
2.6	KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU904	6	PLO3 (PI3.1); PLO6 (PI6.3); PLO8 (PI8.2); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1, PI11.2); PLO12 (PI12.1, PI12.2)	
	Tự chọn thay thế khóa luận (sinh viên chọn 2 trong số 4 học phần)				
59	Kiểm toán ngân sách	BUD331	3	PLO5 (PI5.1); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1)	
60	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	ASM331	3	PLO4 (PI4.1); PLO8 (PI8.1); PLO12 (PI12.1)	
61	Kiểm toán nội bộ	INA331	3	PLO5 (PI5.1); PLO9 (PI9.1); PLO11 (PI11.1); PLO12 (PI12.1; PI12.2)	
62	Định giá tài sản	BPR331	3	PLO2 (PI2.1); PLO7 (PI7.1); PLO12 (PI12.1)	
	Tổng số tín chỉ		127		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	Học kì I			15			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP132	Bắt buộc	3	36	18	
2	Toán kinh tế	MAE131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Tiếng Anh 1	ENG121	Bắt buộc	2	24	12	
4	Kinh tế học vi mô I	MIE231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Pháp luật đại cương	LAW121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI 121	Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất I	PHE011	Bắt buộc	x			
II	Học kì II			16			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý kế toán	ACT231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kinh tế học vĩ mô I	MAE231	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất II	PHE012	Bắt buộc	x			
III	Học kì III			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG133	Bắt buộc	3	36	18	
3	Quản trị học	MAN231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tài chính tiền tệ	FAM231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý thống kê	PSE231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kế toán tài chính I	FIA331	Bắt buộc	3	36	18	x
7	Giáo dục thể chất III	PHE013	Bắt buộc	x			
8	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x			
IV	Học kì IV			18			
1	Marketing căn bản	GEM231	Bắt buộc	3	36	18	
2	Kiểm toán căn bản	BAU331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Kế toán tài chính 2	FIA332	Bắt buộc	3	36	18	
4	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	Học kì V			18			
1	Lập và phân tích báo cáo tài chính	PAS331	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tổ chức công tác kế toán	OAW331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	Kiểm toán báo cáo tài chính I	FAU331	Bắt buộc	3	36	18	x
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	Học kì VI			16			
1	Tiếng Anh 4	ENG134	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	

TT	Học kì / Học phần	Mã học	Tính	Tín	Số tiết		HP trải
3	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	FAU332	Bắt buộc	3	36	18	x
4	Kiểm toán hoạt động	OAU331	Bắt buộc	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	Thực tập môn học CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU421	Bắt buộc	2			
VII	Học kì VII			17			
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính	PRA331	Bắt buộc	3	18	60	x
3	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	Học kì VIII			10			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU441		4		4	
2	KLTN/ Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Kế toán Kiểm toán	AAU904		6		6	
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			127			